

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN H Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 82/2022/HS-ST
Ngày: 31-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Hoàng

2. Ông Lê Thanh Miện

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 79/2022/TLST- HS ngày 10 tháng 8 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1979

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: thợ xây; Trình độ văn hóa lớp: 7/12; Quốc tịch: Việt nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn Phước, sinh năm 1952; Con bà: Nguyễn Thị Phúc, sinh năm 1954; Vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009; Gia đình có 03 anh chị em bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2012/HSST ngày 22/5/2012 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*” (đã chấp hành xong án phí và tiền bồi thường ngày 30/5/2012).

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/4/2022. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. **(Có mặt tại phiên tòa)**

2.2. Người bị hại:

Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang

2.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Thanh T, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội
 - Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt)
 - Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 2005 (có mặt)
- Đều cư trú: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2022, ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1978 ở Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang xây dựng công trình nhà ở. Quá trình thi công, ông Chúc có thuê Nguyễn Văn L, sinh năm 1979 ở Thôn L, xã H, huyện H làm thợ xây. Ngày 19/4/2022, bị cáo Ly đến nhà ông Chúc để xây nhà như thường lệ, đến khoảng 16 giờ cùng ngày, khi bị cáo Ly đang dựng giàn giáo ở gần cửa nhà ngang của gia đình ông Chúc thì phát hiện thấy ông Chúc vào nhà ngang mở tủ lấy tiền rồi đi ra cổng thanh toán tiền mua nguyên vật liệu (sắt). Ly thấy ông Chúc lấy tiền xong nhưng không đóng cửa tủ, lúc này bên trong nhà ngang không có ai nên bị cáo Ly đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền của ông Chúc. Bị cáo Ly đi vào trong nhà ngang, thấy bên trong tủ có một túi vải có nhiều xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng. Để tránh bị phát hiện, bị cáo Ly rút mỗi xấp tiền một số tờ rồi cất giấu vào trong túi quần đang mặc. Sau khi trộm cắp được tiền, Ly ra ngoài tiếp tục làm việc. Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Ly về nhà, vào nhà kho của gia đình bỏ số tiền trộm cắp ra đếm được tổng số tiền 68.500.000 đồng (bao gồm 02 mệnh giá là 500.000 đồng và 200.000 đồng). Sau đó, Ly cất giấu toàn bộ số tiền vào cốp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88S2-6106. Đến sáng ngày 23/4/2022, Ly điều khiển xe mô tô trên đi đến cửa hàng vàng bạc Ngô Hồng - Linh Trang ở tổ dân phố số 1, thị trấn Thắng, huyện H để mua 02 chiếc nhẫn vàng, trọng lượng 01 chỉ/1 chiếc và 01 đôi bông tai vàng trọng lượng 01 chỉ/1 đôi (02 chiếc nhẫn vàng và 01 đôi bông tai đều được đựng trong 01 hộp hình tròn màu cam) hết tổng số tiền là 16.625.000 đồng. Sau khi mua được số vàng trên và nhận hóa đơn từ cửa hàng, bị cáo Ly cất giấu vàng, hóa đơn và số tiền còn lại vào trong cốp xe mô tô rồi tiếp tục đến nhà ông Chúc để làm thuê. Ngày 25/4/2022, ông Chúc phát hiện bị mất tiền nên đã làm đơn trình báo Công an xã H, huyện H. Do sợ bị phát hiện nên ngày 27/4/2022, bị cáo Ly đã để số vàng đã mua cùng số tiền 51.670.000 đồng vào trong túi bóng đen rồi để vào thùng bê phốt đang xây ở sau nhà ông Chúc, sau đó ông Chúc nhặt được và giao nộp cho Công an xã H.

Đến ngày 27/4/2022, bị cáo Ly đã đến Công an xã H, huyện H đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình; đồng thời giao nộp một chiếc xe mô tô Salut màu đỏ - đen biển kiểm soát 88S2- 6106. Ngày 28/4/2022 Công an xã H đã chuyển toàn bộ hồ sơ, vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H để giải quyết theo thẩm quyền.

*Tại Bản cáo trạng số 83/CT-VKS -HH ngày 09/8/2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn L thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn L và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 26 tháng tù đến 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (29/4/2022)

-Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Ly 01 xe mô tô Salut màu đỏ - đen biển kiểm soát 88S2-6106, số máy: MSA2BH0 16313; số khung:10BH7H016313 là tài sản hợp pháp của bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Không.

-Về trách nhiệm dân sự: Không có

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Ngoài ra quyền kháng cáo đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H, chị Nguyễn Thị T; người làm chứng anh Nguyễn Văn Hùng, ông Ngô Thế Linh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra và truy tố đã có lời khai nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ

án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn L tại phiên tòa hôm nay phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, Hội đồng xét xử xét thấy, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/4/2022, tại nhà gia đình ông Nguyễn Văn Ch, bị cáo Nguyễn Văn L đã có hành vi trộm cắp số tiền 68.500.000 đồng của gia đình ông Chức.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn L đã có hành vi lén lút để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Do đó, với hành vi như trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Văn L theo tội danh và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về vai trò và tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do ham chơi, không chịu lao động nên bị cáo Nguyễn Văn L đã có hành vi lén lút để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản. Trước đó bị cáo đã bị xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng không lấy đó làm bài học, mà lại tiếp tục phạm tội. **Xét thấy**, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo Nguyễn Văn L đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú và tự nguyện đem trả lại tài sản, bị cáo có thời gian phục vụ quan ngũ và đã hoàn thành nhiệm vụ, nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên Hội đồng xét xử thấy cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

-Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn L có nhân thân xấu.

-Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn L không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không có

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Nguyễn Văn Ch đã nhận lại toàn bộ tài sản (vàng và tiền), đối với số tiền 5.000đ còn thiếu nay ông không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

-Do người bị hại đã nhận lại tài sản đã mất và không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Trả lại cho bị cáo Ly 01 xe mô tô Salut màu đỏ - đen biển kiểm soát 88S2- 6106, số máy: MSA2BH0 16313; số khung:10BH7H016313 là phương tiện hợp pháp của bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[10] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và quy định tại Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan có quyền kháng cáo theo Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 -Bộ luật hình sự.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (Hai) năm 02 (hai) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (29/4/2022)

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo 01 xe mô tô Salut màu đỏ - đen biển kiểm soát 88S2 - 6106, số máy: MSA2BH0 16313; số khung:10BH7H016313 là tài sản hợp pháp của bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

3.Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- Công an huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

